**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LỜI GIỚI THIỆU** |  | 5 |
| **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT** |  | 7 |
| **PHẦN I. GIÁO DỤC MẦM NON** |  |  |
|  | Nghiên cứu thiết kế băng hình và tài liệu sử dụng về hoạt động giáo dục kĩ năng sống thân thiện với môi trường cho trẻ mẫu giáo | *ThS. Vũ Yến Khanh* | 8 |
|  | Nghiên cứu cải tiến thiết kế một số mẫu đồ dùng đồ chơi | *ThS. Phan Đông Phương* | 11 |
|  | Tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non | *ThS. Chu Thị Hồng Nhung* | 14 |
|  | Một số biện pháp tổ chức hoạt động vận động theo nhạc cho trẻ 24-36 tháng tuổi trong trường mầm non | *ThS. Nguyễn Thị Trang* | 18 |
| **PHẦN II. GIÁO DỤC PHỔ THÔNG** |  |  |
|  | Phương án phối hợp dạy hai chương trình Việt Nam và quốc tế dựa trên chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình giáo dục Việt Nam | *GS. TS. Nguyễn Lộc* | 21 |
|  | Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống trong nhà trường phổ thông Việt Nam | *GS. TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến* | 23 |
|  | Xác định mô hình dạy học phân hóa trong giáo dục phổ thông giai đoạn sau 2015 | *PGS. TS. Đào Thái Lai* | 28 |
|  | Phương án thực hiện quan điểm tích hợp trong phát triển chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn sau 2015 | *TS. Nguyễn Anh Dũng* | 33 |
|  | Xây dựng phương thức, tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục phổ thông | *TS. Nguyễn Thị Lan Phương* | 36 |
|  | Xây dựng mô hình tư vấn học đường trong nhà trường trung học cơ sở | *TS. Nguyễn Hồng Thuận* | 41 |
|  | Hoạt động giáo dục của trường tiểu học giai đoạn sau năm 2015 | *ThS. Bùi Ngọc Diệp* | 44 |
|  | Định hướng vận dụng chương trình sách giáo khoa phổ thông cấp tiểu học sau năm 2015 cho học sinh dân tộc thiểu số vùng khó khăn | *ThS. Nguyễn Huệ Yên* | 48 |
|  | Nghiên cứu cải tiến thiết kế một số mẫu thiết bị dạy học các môn khoa học xã hội trong trường phổ thông | *ThS. Phạm Thị Hằng* | 52 |
|  | Nghiên cứu cải tiến thiết kế một số mẫu thiết bị dạy học các môn khoa học tự nhiên trong trường phổ thông | *ThS. Cao Thị Phương Chi* | 55 |
|  | Nguyên tắc và phương pháp xác định các lĩnh vực học tập/mạch kiến thức/chủ đề dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam sau 2015 | *PGS. TS. Phạm Đức Quang* | 59 |
|  | Mô hình sách giáo khoa nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 | *PGS. TS. Đỗ Ngọc Thống* | 62 |
|  | Tìm hiểu lương giáo viên phổ thông của một số nước | *ThS. Mạc Thị Việt Hà* | 66 |
|  | Phân tích hệ thống đánh giá học sinh phổ thông Việt Nam theo tiêu chuẩn saber – student assessment | *CN. Nguyễn Tất Thắng* | 69 |
|  | Nghiên cứu thực trạng và xu hướng sử dụng sách điện tử trong giáo dục phổ thông | *ThS. Hà Văn Quỳnh* | 72 |
|  | Ứng dụng thuyết đa trí tuệ (đa trí thông minh) (multiple intelligences) vào việc thiết kế một số mẫu dạy học môn Tiếng Việt, Văn, Toán lớp 3CGD | *ThS. Bùi Thanh Thủy* | 74 |
|  | Một số biện pháp hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số phát triển năng lực tính toán trong dạy học bốn phép tính với số tự nhiên ở môn toán cấp tiểu học | *ThS. Nguyễn Thị Kiều Oanh* | 77 |
|  | Bước đầu vận dụng bộ công cụ UDN–II vào đánh giá học sinh tiểu học | *Lê thị Tâm* | 81 |
|  | Xây dựng và thử nghiệm một số chủ đề học tập môn Mĩ thuật lớp 4, 5 theo định hướng tiếp cận năng lực | *ThS. Bạch Ngọc Diệp* | 83 |
|  | Nghiên cứu nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học cơ sở | *TS. Hoàng Gia Trang* | 86 |
|  | Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về phương pháp dạy học toán cho học sinh dân tộc thiểu số ở tiểu học | *TS. Trần Thúy Ngà* | 90 |
|  | Kinh nghiệm quốc tế về chính sách đào tạo và sử dụng đội ngũ giáo viên phổ thông và đề xuất cho Việt Nam | *ThS. Nguyễn Văn Chiến* | 94 |
| **PHẦN III. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ NGHỀ NGHIỆP** |  |  |
|  | Không gian học tập của sinh viên ở một số trường đại học | *ThS. Đỗ Thu Hà.* | 99 |
|  | Nghiên cứu xu hướng nhu cầu nhân lực có trình độ đại học của Việt Nam trong quá trình công nghiệp hoá | *ThS. Đinh Thị Bích Loan* | 103 |
| **PHẦN IV. GIÁO DỤC KHÔNG CHÍNH QUY** |  |  |
|  | Định hướng vận dụng chương trình giáo dục phổ thông để xây dựng chương trình giáo dục thường xuyên | *ThS. Nguyễn Minh Tuấn* | 107 |
|  | Nghiên cứu về khó khăn trong việc thực hiện “Chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học công nghệ” ở trung tâm học tập cộng đồng | *ThS. Đỗ Ngọc Miên* | 111 |
|  | Thực trạng công tác bồi dưỡng cho giáo viên dạy ở các trung tâm giáo dục thường xuyên | *ThS. Nguyễn Hoài Thu* | 114 |
| **PHẦN V. GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT** |  |  |
|  | Giáo dục kĩ năng tự phục vụ cho học sinh tự kỉ trong độ tuổi 4-6 tuổi  | *Phạm Hà Thương* | 118 |
|  | Nghiên cứu tổng quan về sự phát triển chuyên ngành giáo dục sửa tật ngôn ngữ | *ThS. Lê Thị Tố Uyên* | 120 |
| **PHẦN IV. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC TRONG GIÁO DỤC** |  |  |
|  | Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá sự hài long của người dân đối với dịch vụ giáo dục công | *GS. TS Nguyễn Thị Hoàng Yến* | 124 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng thang kiểm tra phát triển Kyoto tại Việt Nam | *PGS. TS. Nguyễn Đức Minh* | 128 |
|  | Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của người nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc trong điều kiện xã hội hóa các hoạt động giáo dục ở Việt Nam | *TS. Trịnh Thị Anh Hoa* | 131 |
|  | Những đặc điểm và hướng nghiên cứu cơ bản của kinh tế học giáo dục | *ThS. Đặng Thị Minh Hiền* | 135 |
|  | Tác động của quản lý hành chính công đến quản lý nhà nước về giáo dục ở một số nước | *ThS. Nguyễn Thế Thắng* | 138 |
|  | Kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực của một số quốc gia công nghiệp mới | *TS. Nguyễn Thị Thu Mai* | 141 |
|  | Đề xuất một số biện pháp nâng cao tính hiệu quả của công tác chọn mẫu trong các nghiên cứu giáo dục ở Việt Nam  | *ThS. Nguyễn Lê Thạch* | 145 |